

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 290/2025/DS-PT

Ngày: 27-05-2025

V/v Tranh chấp

hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng;

Các Thẩm phán: Ông Phan Trí Dũng;

Bà Trần Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hoàng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 144/2025/TLPT-DS ngày 11/4/2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2025/DS-ST ngày 18/02/2025 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 240/2025/QĐ-PT ngày 23 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q (V); địa chỉ: Tầng A (trệt) và tầng 2, tòa nhà S, A đường P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1997; có mặt;

2. Ông Vũ Hồng K, sinh năm 1995; vắng mặt;

3. Ông Hứa Huy H, sinh năm 1998; vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Tầng C, Tòa nhà M, số B đường N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh,

Là những người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 19/11/2024).

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1966; địa chỉ: G H, tổ C, khu phố F, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm 1994; địa chỉ: Khu phố D, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương (Văn bản ủy quyền ngày 26/12/2024); có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Lê Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 19 tháng 11 năm 2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q (Ngân hàng V) do ông Nguyễn Hữu Đ làm đại diện hợp pháp trình bày:

Quá trình ký kết Hợp đồng tín dụng: Ngân hàng TMCP Q (sau đây gọi tắt là Ngân hàng V) đã ký với bà Nguyễn Thị C các Hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 3479566.23 ngày 26/6/2023 với nội dung: Ngân hàng V cho bà Nguyễn Thị C vay số tiền 950.000.000 đồng; mục đích vay vốn: Vay bù đắp mua 02 bất động sản là thửa đất số 384 và 396, cùng tờ bản đồ số 40, tại xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương; thời hạn vay: 144 tháng; lãi suất vay: Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 12.50%/năm (lãi suất này là lãi suất ưu đãi được áp dụng trong 24 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng; hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại chọn một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 3,9%/năm; thông tin về lãi suất cơ sở theo sản phẩm tại từng thời kỳ được thông báo công khai trên Website của Ngân hàng V và/hoặc theo hình thức thông báo khác do Ngân hàng V quyết định trong từng thời kỳ); ngày trả lãi: Hàng tháng vào ngày 25; kỳ trả lãi đầu tiên ngày 25/7/2023.

Ngày 28/6/2023, Ngân hàng V đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị C theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm kê ước nhận nợ số 3479566(1).23 với số tiền 950.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng đã ký.

- Thẻ tín dụng: Căn cứ Hợp đồng/Đơn phát hành thẻ tín dụng đã ký ngày 03/7/2023, Ngân hàng V đồng ý cấp Thẻ tín dụng cho bà Nguyễn Thị C chi tiết số thẻ như sau 526887****0309; hạn mức thẻ: 95.000.000 đồng; lãi suất, phí: Theo bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng V.

Về biện pháp bảo đảm tiền vay:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 396, tờ bản đồ số 40, tại xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DL 101649 (số vào sổ cấp GCN: CN08271) do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 20/6/2023, mang tên bà Nguyễn Thị C. Tài sản này được thế chấp tại Ngân hàng V theo Hợp đồng thế chấp số công chứng: 05763, quyền số 06/2023 TP/CC-SCC/HĐGD, do Văn phòng Công chứng T, tỉnh Bình

Dương công chứng ngày 27/6/2023. Việc thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 384, tờ bản đồ số 40, tại xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DL 101650 (số vào sổ cấp GCN: CN08272) do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 20/6/2023, mang tên bà Nguyễn Thị C. Tài sản này được thế chấp tại Ngân hàng V theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 05763, quyền số 06/2023 TP/CC-SCC/HĐGD, do Văn phòng công chứng T tỉnh B công chứng ngày 27/6/2023. Việc thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng:

Bà Nguyễn Thị C đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp đã ký, khoản vay đã quá hạn thanh toán từ ngày 11/3/2024 và đang xếp loại nợ nhóm 4 (theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 31/2024/TT-NHNN của Ngân hàng N).

Tạm tính đến ngày 18/02/2025, bà Nguyễn Thị C đã trả cho Ngân hàng V số tiền tổng cộng là 125.064.676 đồng (trong đó: trả gốc là 52.776.000 đồng, trả lãi là 72.288.676 đồng) và còn nợ Ngân hàng V số tiền là: 1.168.783.007 đồng (trong đó, nợ gốc: 991.472.500 đồng; nợ lãi trong hạn: 88.783.284 đồng; nợ lãi quá hạn: 66.673.386 đồng và tiền phí: 21.853.837 đồng).

Nay, Ngân hàng TMCP Q yêu cầu:

- Buộc bà Nguyễn Thị C phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm tính đến ngày 18/02/2025 là: 1.168.783.007 đồng (trong đó, nợ gốc: 991.472.500 đồng; nợ lãi trong hạn: 88.783.284 đồng; nợ lãi quá hạn: 66.673.386 đồng và tiền phí: 21.853.837 đồng).

- Yêu cầu bà Nguyễn Thị C tiếp tục phải trả cho Ngân hàng TMCP Q lãi quá hạn từ ngày 19/02/2025 cho đến khi trả xong nợ.

- Trường hợp bà Nguyễn Thị C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của mình thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm gồm:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 396, tờ bản đồ số 40, tại xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DL 101649 (số vào sổ cấp GCN: CN08271) do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện D cấp ngày 20/6/2023 mang tên bà Nguyễn Thị C.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 384, tờ bản đồ số 40, tại xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DL 101650 (số vào sổ cấp GCN: CN08272) do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện D cấp ngày 20/6/2023 mang tên bà Nguyễn Thị C.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị C đã được triệu tập họp lệ nhiều lần đến Tòa án nhân dân thành phố T để làm việc và hòa giải nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của bà Nguyễn Thị C được.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị C là anh Lê Văn L thống nhất với lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn về thời gian ký kết các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp, Đơn phát hành thẻ tín dụng và thống nhất về số tiền bà Nguyễn Thị C đã trả cũng như số tiền hiện nay bà Nguyễn Thị C còn thiếu nợ Ngân hàng. Tuy nhiên, hiện nay do kinh tế khó khăn nên đề nghị Ngân hàng cho bà Nguyễn Thị C thời gian trả nợ là 08 tháng; trường hợp Ngân hàng không đồng ý thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về phần tính lãi, phí do Ngân hàng tính quá cao.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2025/DS-ST ngày 18/02/2025, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q (V) về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với bị đơn bà Nguyễn Thị C.

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị C phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Q (V) số tiền gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 18/02/2025 là: 1.168.783.007đ (một tỷ, một trăm sáu mươi tám triệu, bảy trăm tám mươi ba nghìn, không trăm lẻ bảy đồng). Trong đó, nợ gốc: 991.472.500 đồng (bao gồm nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng là 897.224.000 đồng và nợ gốc đã sử dụng Thẻ là 94.248.500 đồng); nợ lãi trong hạn: 88.783.284 đồng (theo Hợp đồng tín dụng); nợ lãi quá hạn: 66.673.386 đồng (bao gồm lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng là 43.189.155 đồng và lãi quá hạn theo Thẻ là 23.484.231 đồng) và tiền phí T là: 21.853.837 đồng).

1.2. Buộc bà Nguyễn Thị C tiếp tục phải trả lãi cho Ngân hàng TMCP Q (V) trên số nợ gốc từ ngày 19/02/2025 cho đến khi trả hết nợ, với mức lãi suất theo Hợp đồng tín dụng số 3479566.23 ngày 26/6/2023; Phụ Lục 1 của Hợp đồng tín dụng; Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 28/6/2023 và Đơn đề nghị phát hành Thẻ ngày 03/7/2023 đã ký.

1.3. Trường hợp bà Nguyễn Thị C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của mình thì Ngân hàng TMCP Q (V) có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 396, tờ bản đồ số 40, tại xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DL 101649 (số vào sổ cấp GCN: CN08271) do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 20/6/2023 mang tên bà Nguyễn Thị C và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 384, tờ bản đồ số 40, tại xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số

DL 101650 (số vào sổ cấp GCN: CN08272) do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 20/6/2023 mang tên bà Nguyễn Thị C để thu hồi nợ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 18/02/2025, người đại diện hợp pháp của bị đơn có đơn kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số 29/2025/DS-ST ngày 18/02/2025 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng đối với phần tiền lãi trong hạn là 88.783.284 đồng, tiền lãi quá hạn là 66.673.386 đồng và phí 21.853.837 đồng do bà Nguyễn Thị C không đồng ý trả cho Ngân hàng vì lãi suất và phí quá cao.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Nội dung của bản án sơ thẩm đã tuyên đúng theo các quy định của pháp luật. Bị đơn kháng cáo nhưng không có cung cấp được chứng cứ mới làm thay đổi nội dung của vụ án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để giữ nguyên toàn bộ bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị C (có người đại diện hợp pháp là ông Lê Văn L) là trong thời hạn luật định. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

[1.2] Về yêu cầu kháng cáo của bị đơn, theo đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn xác định chỉ kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số 29/2025/DS-ST ngày 18/02/2025 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đối với tiền lãi trong hạn là 88.783.284 đồng, tiền lãi quá hạn là 66.673.386 đồng và phí là 21.853.837 đồng. Bà Nguyễn Thị C không đồng ý trả cho Ngân hàng TMCP Q (sau đây gọi tắt là Ngân hàng V) do lãi suất và phí quá cao. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét đối với phần bản án có kháng cáo, còn phần bản án không kháng cáo đã hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị thì phát sinh hiệu lực pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Ngân hàng V và bà Nguyễn Thị C đã ký Hợp đồng tín dụng số 3479566.23 ngày 26/6/2023 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 3479566(1).33 ngày 28/6/2023 để Ngân hàng V giải ngân số tiền 950.000.000 đồng cho bà C nhằm đáp ứng nhu cầu vay bù đắp mua 02 bất động sản tại thửa đất 384 và 396, tờ bản đồ số 40 tọa lạc tại xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương. Xét thấy, hình thức và nội dung của Hợp đồng tín dụng và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ nêu trên phù hợp với các quy định tại Điều 117 và 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Do đó, các văn bản tín dụng giữa Ngân hàng V và bà Nguyễn Thị C có hiệu lực pháp luật, bắt buộc các bên phải thi hành như Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định.

[2.2] Đối với lãi vay và phí:

Căn cứ theo mục 2.4.1 của Hợp đồng tín dụng ngày 26/6/2023, bà C và Ngân hàng V thỏa thuận rằng “*Lãi suất cho vay thả nổi, được xác định tại thời điểm giải ngân/thời điểm điều chỉnh lãi suất, chịu sự điều chỉnh theo chính sách về lãi suất của V từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật*”. Ngoài ra, các bên còn thỏa thuận về thời hạn tính lãi, việc cộng dồn lãi trên cơ sở dư nợ thực tế, phương thức trả lãi tại các mục 2.4.2, 2.4.3 và 2.5.2 của Hợp đồng tín dụng ngày 26/6/2023.

Căn cứ theo mục 2.6 của Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 28/6/2023, bà C và Ngân hàng V thỏa thuận rằng “*Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 12,50%/năm*”. Lãi suất này được áp dụng trong 24 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng và hết thời hạn ưu đãi thì lãi suất sẽ được điều chỉnh lại chọn một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên 3,9%/năm; thông tin về lãi suất cơ sở theo sản phẩm tại từng thời kỳ được thông báo công khai trên website của Ngân hàng V và/hoặc theo hình thức thông báo khác do Ngân hàng V quyết định trong từng thời kỳ.

Căn cứ theo Đơn đề nghị phát hành thẻ ngày 03/07/2023, Ngân hàng V đồng ý cấp Thẻ tín dụng số 526887*****0309 cho bà C, với lãi suất và phí theo Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng V. Theo Bảng chi tiết tính lãi, phí thẻ tín dụng của Ngân hàng V (bút lục 144), tiền lãi và phí thẻ tín dụng đối với bà C (bao gồm phí chậm thanh toán, phí vượt hạn mức và phí thường niên) là phù hợp với các quy định của Ngân hàng V đã công bố.

Xét thấy, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận lãi suất vay và phí theo Hợp đồng tín dụng ngày 26/6/2023, Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 28/6/2023 và Đơn đề nghị phát hành thẻ ngày 03/07/2023. Ngân hàng V đã tính tiền lãi và phí đúng theo thỏa thuận giữa các bên. Lãi suất cho vay trong hạn (12,5%/năm), lãi suất quá hạn (18,75%/năm), lãi suất thẻ tín dụng và các khoản phí mà Ngân hàng V áp dụng là phù hợp theo khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 463 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 4 Điều 13 và Điều 14 của Thông tư số

39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Việc bà Nguyễn Thị C và người đại diện hợp pháp trình bày rằng do lãi suất và phí quá cao nên không đồng ý thanh toán cho Ngân hàng V mặc dù bà C đã thừa nhận việc ký kết các văn bản tín dụng với Ngân hàng V và đã sử dụng các khoản tiền giải ngân là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo của phía bị đơn là không có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Lê Văn L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm đối với phần lãi vay và phí nhưng không cung cấp được chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá toàn diện các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đảm bảo quyền và lợi ích các bên, xét xử phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị C phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 117, Điều 463 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị C.
2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2025/DS-ST ngày 18/02/2025 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.
3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai số 0009349 ngày 27/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND thành phố T;
- Các đương sự;
- Tổ hành chính tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Trung Dũng